TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HS-ST
Ngày 23-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hảo và bà Nguyễn Thị Hiên.

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Hà Đan Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:***Bà Đinh Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2018/TLST-HS, ngày 31 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HS, ngày 09/11/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Dương Văn Đ**, sinh ngày 17/10/1980 tại tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Tổ 1, khối 14, phường H, thành phố L, tỉnh L;

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đường Văn B (đã chết) và bà Giáp Thị T, sinh năm 1933; có vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 và 02 con, con lớn sinh năm 1998 (là con riêng của vợ), con nhỏ sinh năm 2010;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/5/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử 03 năm tù về tội buôn lậu (pháo nổ), đã chấp hành xong bản án, được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/6/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt)*.

2. Họ và tên: **Lâm Văn N**, sinh ngày 27/12/1989 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Văn T, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị V, sinh năm 1964; có vợ Nịnh Thị N, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/02/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt)*.

3. Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh ngày 01/10/1985 tại tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V, sinh năm 1961 và bà Trần Thị H, sinh năm 1961; có vợ Vy Thị L, sinh năm 1986 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/02/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt)*.

4. Họ và tên: **Lý Văn B**, sinh ngày 24/8/1989 tại tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn T, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1958; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt)*.

5. Họ và tên: **Nịnh Văn T**, sinh ngày 10/02/1979 tại tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nịnh Quý S, sinh năm 1958 và bà Âu Thị H, sinh năm 1958; có vợ Trần Thị B, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biên pháp ngăn chặn:Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại *(Có mặt).*

* *Người bào chữa cho các bị cáo Nịnh Văn T, Lâm Văn N*: Ông Hoàng Văn V - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang*(Có mặt)*.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nịnh Thị N, sinh năm 1989.

2. Ban Văn C, sinh năm 1974 .

3. Vương Văn P, sinh năm 1979.

4. Vương Văn K, sinh năm 1969.

5. Lâm Văn D, sinh năm 1997.

6. Ban Văn T, sinh năm 1992.

7. Đặng Thị D, sinh năm 1996.

8. Hoàng Thị T, sinh năm 1979.

9. Lâm Văn T, sinh năm 1991.

Đều cư trú tại: Thôn ĐQ, xã H, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang.

10. Lý Văn Đ, sinh năm 1974.

11. Lý Văn L, sinh năm1994.

12. Trần Văn V, sinh năm 1997.

13. Lý Văn V, sinh năm 1982.

14. Đặng Thị H, sinh năm 1994.

15. Nịnh Văn Đ, sinh năm 1996.

16. Vi Thị L, sinh năm 1986.

17. Ninh Văn K, sinh năm 1982.

18. Trịnh Văn Đ, sinh năm 1972.

19. Nịnh Văn Ph, sinh năm 1987.

20. Trần Thị L.

21. Nịnh Văn B, sinh năm 1969.

22. Lý Văn L, sinh năm 1982.

Đều cư trú tại: Thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

23. Nguyễn Thị T, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Tổ 1, khối 14, phường H, thành phố L, tỉnh L.

(Chị N, anh P, chị D, anh T, anh Đ, chị L, anh Đ, chị L, chị T có mặt tại phiên tòa. Những người còn lại hiện vắng mặt tại địa phương).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 10/02/2017 đến ngày 23/02/2018, Dương Văn Đ, trú tại tổ 1, khối 14, phường H, thành phố L, tỉnh L; Lâm Văn N, trú tại thôn Đ, xã H, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang; Trần Văn T, Nịnh Văn T và Lý Văn B, đều trú tại thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần tổ chức đưa nhiều người vượt biên trái phép sang Trung Quốc, cụ thể:

Lần 1: Tháng 10 năm 2016 (âm lịch), Nịnh Văn T cùng vợ là Nịnh Thị B lên biên giới tỉnh L thuê một người (không quen biết) đưa vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc làm thuê xưởng gỗ tại địa danh S, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, trước khi về Việt Nam ăn tết Nguyên Đán, T thỏa thuận với chủ xưởng ăn Tết xong đưa 01 đội từ 6 đến 7 người sang làm tiếp, chủ xưởng đồng ý, khi về biên giới T thuê Dương Văn Đ đưa T và B về Việt Nam, biết Đ tổ chức đưa người vượt biên trái phép sang Trung Quốc, T lấy số điện thoại của Đ, sau đó đón xe ôtô khách về Tuyên Quang.

Đầu tháng 02/2017, Nịnh Văn T tìm gặp, rủ rê được 06 người, gồm: Trần Thị B, Trần Văn T, Vi Thị L, Nịnh Văn P, Nịnh Văn K, Trịnh Văn Đ (đều trú cùng thôn với T) sang Trung Quốc làm thuê, T nói công việc làm tại xưởng bóc gỗ, tiền công khoảng 500.000 đồng/ngày/người, tiền chi phí ăn uống, đi đường mỗi người chuẩn bị khoảng 1.000.000 đồng và tự chi trả, khi đi không phải làm thủ tục giấy tờ, mọi người nhất trí. Ngày 09/02/2017, T đưa B, T, L, P, K và Đ đi xe ô tô khách lên tỉnh L, khi đến nơi, T điện thoại cho Dương Văn Đ đến đón để đưa mọi người vượt biên trái phép sang Trung Quốc.

Khoảng 05 giờ ngày 10/02/2017, Dương Văn Đ điều khiển xe ô tô chở T, B, T, L, P, K và Đ lên khu vực biên giới cửa khẩu C. Đ thu tiền chi phí đưa đi của 07 người, mỗi người 100.000 đồng được 700.000 đồng (*bảy trăm ngàn đồng*), sau đó thuê người đưa T, B, T, L, P, K và Đ vượt biên trái phép sang Trung Quốc và liên hệ với T ở bên Trung Quốc đi ôtô đến đón, đưa mọi người đến làm tại xưởng gỗ số 38 tại địa danh S, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Làm được 02 tháng K, Đ vượt biên về Việt Nam, còn T, T, L, B, P ở lại làm thuê đến tháng 7/2017 được T đưa đến biên giới Trung Quốc và liên hệ với Đ đến đón đưa về Việt Nam. Sau đó, Đ đến biên giới đón mọi người về Việt Nam, Đ thu tiền công của 05 người mỗi người 100.000 đồng, được 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*).

Tổng số tiền Đ hưởng lợi đưa người sang Trung Quốc và đưa về Việt Nam là 1.200.000đ *(một triệu, hai trăm nghìn đồng).*

Lần 2: Đầu tháng 03/2017 (không xác định được ngày), Dương Văn Đ tổ chức đưa 04 người, gồm Lý Văn L; Lý Văn B, Lý Văn L, Lý Văn V (đều là anh em trong gia đình cùng thôn C, xã X, huyện Y, Yên Bái) vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê tại một xưởng gỗ thuộc địa danh Sa, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, Đ thu tiền chi phí đưa mọi người vượt biên trái phép 04 người, mỗi người 250.000 đồng được 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*), đến tháng 05/2017 L, V được T đưa đến khu vực biên giới, sau đó Đ đến đón đưa về Việt Nam, Đ thu tiền chi phí dẫn biên mỗi người 250.000 đồng. Tổng cộng được 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*).

Tổng số tiền Đ hưởng lợi đưa người sang Trung Quốc và đưa về Việt Nam là 1.500.000 đồng *(một triệu, năm trăm nghìn đồng).*

Lần 3: Trong tháng 5/2017, Điều tổ chức cho 02 người gồm Lý Văn Lập, Trần Văn Viện (trú cùng thôn với Lập) vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê tại một xưởng gỗ thuộc địa danh San Hi, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, Điều thu chi phí dẫn biên mỗi người 500.000 đồng, tổng cộng được 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

Lần 4: Tháng 7/2017, Lý Văn B được T liên hệ với Dương Văn Đ cho người dẫn B vượt biên từ Trung Quốc về Việt Nam, sau đó B trả cho Đ tiền chi phí dẫn biên là 250.000đồng (*hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Đến tháng 8/2017 sau khi về Việt Nam, B lên L được Dương Văn Đ cho người đưa B vượt biên trái phép sang Trung Quốc, Đ thu 250.000 đồng (*hai trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền công, sau đó Đ liên hệ với T đón B đến chỗ làm cũ cùng với V, L và L, đến đầu tháng 9/2017 B liên hệ với T đưa 04 người về Việt Nam, T liên hệ với Đ cho người dẫn vượt qua biên giới Trung Quốc, sau đó Đ đi xe ôtô biển kiểm soát 12B-002.88 (xe đăng ký tên Nguyễn Thị T, vợ Đ) chở mọi người từ L về thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái, Đ thu tiền công của 4 người, mỗi người 550.000 đồng. Tổng cộng 2.200.000 đồng (*hai triệu hai trăm ngàn đồng*).

Tổng số tiền Đ hưởng lợi đưa người sang Trung Quốc và đưa về Việt Nam là 2.700.000đ *(Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng).*

Lần 5: Đầu tháng 9/2017, Lý Văn B gặp và rủ rê được 07 người gồm, Trần Văn T, Vi Thị L, Trần Văn V, Lý Văn L, Lý Văn V, Lý Văn V và Trần Thị L (đều

trú cùng thôn với B), sang Trung Quốc làm thuê bóc gỗ tiền công từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng/người/ngày, khi đi không phải làm giấy tờ, mọi người nhất trí. Sau đó, B liên hệ với Dương Văn Đ đưa xe ôtô sang đón.

Ngày 08/9/2017, Dương Văn Đ lái xe ô tô biển kiểm soát 12B-002.88 sang khu vực xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái đón 08 người, gồm Lý Văn B, Trần Văn T, Vi Thị L, Trần Văn V, Lý Văn L, Lý Văn V, Lý Văn V và Trần Thị L (cùng thôn C, xã X, huyện Y, Yên Bái) để tổ chức đưa vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Khi đến L, Đ thu chi phí tiền xe, tiền thuê người dẫn vượt biên trái phép sang Trung Quốc của mỗi người 550.000 đồng. Tổng cộng là 4.400.000 đồng (*bốn triệu bốn trăm ngàn đồng*), sau đó Đ liên hệ với T đi xe ôtô đón mọi người đến chỗ làm ở một xưởng gỗ tại địa danh T, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Làm việc được 02 tháng, L bị đau lưng, B, V và L được T liên hệ với Đ cho người dẫn B, L, V từ Trung Quốc đến khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Đ đến biên giới đón L, B, V về Việt Nam và thu tiền chi phí dẫn biên mỗi người 150.000 đồng. Tổng cộng được 450.000 đồng (*bốn trăm năm mươi ngàn*).

Tổng số tiền Dương Văn Đ hưởng lợi từ việc đưa người vượt biên trái phép sang Trung Quốc và từ Trung Quốc về Việt Nam là: 4.850.000 đồng *(Bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).*

Lần 6: Giữa tháng 11/2017 (không xác định được ngày), sau khi về Việt Nam, Lý Văn B tiếp tục gặp và rủ rê Lý Văn L (trú cùng thôn với B) sang Trung Quốc làm thuê, khi đi không phải làm giấy tờ, L nhất trí, sau đó B, L đón xe khách lên L, Đ thu tiền chi phí vượt biên của mỗi người 250.000 đồng. Tổng cộng 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*) và thuê người dẫn đường vượt biên trái phép sang Trung Quốc và được T đưa đến xưởng bóc gỗ làm cùng với T, L, V, V, L. Đến tháng 01/2018, mọi người được T liên hệ với Đ cho người dẫn vượt biên từ Trung Quốc về Việt Nam, sau đó Đ đi ôtô biển kiểm soát 12B-002.88 đến biên giới đón đưa mọi người về thôn Đ, xã H, huyện HY, Đ thu chi phí dẫn biên, tiền xe của 07 người mỗi người 550.000 đồng. Tổng cộng được 3.850.000 đồng (*ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*).

Tổng số tiền Dương Văn Đ hưởng lợi từ việc đưa người vượt biên trái phép sang Trung Quốc và từ Trung Quốc về Việt Nam là 4.350.000 đồng *(Bốn triệu, ba trăm, năm mươi nghìn đồng).*

Sau khi bị khởi tố, Lý Văn B không có mặt tại đại phương, không biết bị cáo đang ở đâu. Cơ quan An ninh điều tra đã ra lệnh truy nã. Đến ngày 25/6/2018, B đến Cơ quan An ninh điều tra đầu thú.

Lần 7: Tháng 4/2017, Lâm Văn N và vợ là Nịnh Thị N được một người đàn ông tên H, khoảng 36 đến 37 tuổi (không xác định được họ, tên) sinh sống tại tỉnh Phú Thọ rủ vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê tại xưởng gỗ tại địa danh S, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, làm đến tháng 5/2017, N bị tai nạn lao động nên cùng vợ vượt biên về khu vực biên giới L, N gặp Dương Văn Đ thuê Đ đưa về bến xe khách L, biết Điều thường tổ chức đưa người vượt biên trái phép sang Trung Quốc, N lấy số điện thoại của Đ để liên hệ cùng tổ chức đưa người vượt biên trái phép sang Trung Quốc.

Đầu tháng 9/2017 (không xác định được ngày), Lâm Văn N tìm gặp và rủ rê được 05 người gồm: Vương Văn P, Ban Văn C, Nịnh Thị N (cùng thôn Đ), Lương Văn V và Nịnh Văn B (cùng thôn C, xã X, huyện Y, Yên Bái) sang Trung Quốc làm thuê với công việc bóc gỗ, tiền công khoảng 300.000 đồng đến 500.000 đồng/người/ngày, chuẩn bị chi phí ăn uống, tiền xe khoảng 1.000.000 đồng và tự chi trả, không phải làm giấy tờ, khi đến L có người đưa vượt biên trái phép sang Trung Quốc, mọi người nhất trí, sau đó N liên hệ với Dương Văn Đ sang đón.

Ngày 06/9/2017, Dương Văn Đ lái xe ôtô biển kiểm soát 12B-002.88 sang xã H, huyện HY đón 06 người gồm: Lâm Văn N, Vương Văn P, Ban Văn C, Nịnh Thị N (trú cùng thôn với N) và Lương Văn V, Nịnh Văn B (đều trú tại thôn C, xã X, huyện Y, Yên Bái) để đưa lên L tổ chức vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Sau khi đến L, Điều thu chi phí của mỗi người 550.000 đồng. Tổng cộng được 3.300.000 đồng (*ba triệu ba trăm ngàn đồng*), sau đó Đ đưa mọi người đến khu vực biên giới rồi cho người dẫn biên qua cửa khẩu C sang Trung Quốc và liên hệ với T đi ôtô đón mọi người đến làm xưởng bóc gỗ tại địa danh S, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. N, P, C, N, V và B làm đến ngày 21/12/2017 (tức 04/11/2017 âm lịch) được T đưa đến biên giới, sau đó N liên hệ với Điều cho người dẫn biên vượt biên giới Trung Quốc về Việt Nam, Điều đi xe ôtô biển kiểm soát 12B-002.88 đến biên giới đón mọi người về xã H, huyện HY, Điều thu chi phí tiền dẫn biên, tiền xe mỗi người 550.000 đồng. Tổng cộng 6 người được 3.300.000 đồng (*ba triệu ba trăm ngàn đồng*).

Tổng số tiền Dương Văn Đ hưởng lợi từ việc đưa người vượt biên trái phép sang Trung Quốc và từ Trung Quốc về Việt Nam là: 6.600.000 đồng *(Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).*

Lần 8: Sau tết nguyên đán 2018, Lâm Văn N tìm gặp và rủ rê được 09 người gồm, Nịnh Thị N, Ban Văn C, Vương Văn P, Vương Văn K, Lâm Văn D, Ban Văn T, Đặng Thị D, Hoàng Thị T, Lâm Văn T (cùng thôn với N) sang Trung Quốc làm thuê, mọi người nhất trí.

Cuối tháng 12/2017 (tức tháng 11/2017 âm lịch), Trần Văn T cùng vợ Vi Thị L về Việt Nam ăn tết, sau tết Nguyên Đán năm 2018, T tìm gặp, rủ rê được 07 người gồm, Lý Văn Đ, Lý Văn L, Trần Văn V, Lý Văn V, Đặng Thị H, Nịnh Văn Đ, Vi Thị L đều trú tại thôn C, xã X, huyện Y, Yên Bái sang Trung Quốc làm thuê với công việc là bóc ván gỗ, tiền công khoảng 300.000 đồng đến 500.000 đồng/ngày/người, tiền đi đường mỗi người chuẩn bị khoảng 1.500.000 đồng và tự chi trả, không phải làm giấy tờ gì, mọi người nhất trí.

Ngày 21 và ngày 22/02/2018, Lâm Văn N, Trần Văn T điện thoại cho Đ đến ngày 23/02/2018 sang khu vực thôn L, xã H, huyện HY, Tuyên Quang đón nhóm của N và T lên L vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê, do xe ôtô của Đ đi chở khách, sáng ngày 23/02/2018, Đ thông báo cho N, T biết không trực tiếp sang đón, có xe ôtô khách của anh Nguyễn Văn C đến đón.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, anh Lý Tiến H, trú tại khối 9, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn điều khiển xe ôtô biển kiểm soát 12B-004.24 (xe của anh Nguyễn Văn C, trú tại số nhà 115A, đường Trần Quang K, thành phố L, tỉnh

Lạng Sơn) cùng phụ xe là chị Đinh Thị Ng (vợ anh C), Nguyễn Văn T (con anh C) đến khu vực thôn L, xã H, huyện HY đón 18 người, gồm: Lâm Văn N, Nịnh Thị N, Ban Văn C, Vương Văn P, Vương Văn K, Lâm Văn D, Ban Văn T, Đặng Thị D, Hoàng Thị T, Lâm Văn T (cùng thôn Đ, xã H, huyện HY, Tuyên Quang) và Trần Văn T, Lý Văn Đ, Lý Văn L, Trần Văn V, Lý Văn V, Đặng Thị H, Nịnh Văn Đ, Vi Thị L (cùng trú tại thôn C, xã X, huyện Y, Yên Bái), khi xe đi đến khu vực km 24 huyện HY thì Công an tỉnh Tuyên Quang bị phát hiện, bắt giữ.

Tại Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 30 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Dương Văn Đ về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Lâm Văn N về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Trần Văn T về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Lý Văn B về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài" theo quy định tại khoản 2 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo Nịnh Văn T về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài" theo quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Dương Văn Đ, Lâm Văn N, Trần Văn T về tội: Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài theo quy định tại Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Lý Văn B, Nịnh Văn T về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài" theo quy định tại Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999.

Căn cứ: Điểm a, khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ từ 07 năm đến 08 năm tù. Phạt tiền từ 10 đến 12 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ: Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn N từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 03 năm đến 04 năm tù.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 275 B luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn B từ 05 năm đến 06 năm tù.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 275 B luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nịnh Văn T từ 02 năm đến 03 năm tù.

Truy thu đối với bị cáo Dương Văn Đ số tiền 14.200.000đ *(Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng)* để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 điện di động thoại nhãn hiệu OPPO màu Gold; trả lại cho bị cáo Dương Văn Đ 04 điện thoại di động và các giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Lâm Văn N, Nịnh Văn T trình bày luận cứ: N trí tội danh, điều luật Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo N có bố tham gia dân công hỏa tuyến; bị cáo T trong thời gian tại ngoại đã giúp đỡ công an xã X phát hiện tội phạm; các bị cáo B, T, T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã X. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo N ở mức thấp N; đối với bị cáo T đề nghị xử bị cáo ở mức thấp N và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Lâm Văn N, Nịnh Văn T nhất trí luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Bị cáo Dương Văn Đ thừa nhận: Bị cáo có được đưa nhóm người của các bị cáo N, T, B, T đi qua biên giới qua cửa khẩu C mà không làm giấy thông hành (đi chui) như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là đúng. Tuy nhiên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền trong cáo trạng xác định bị cáo hưởng lợi 22.200.000đ là chưa đúng, vì trong số tiền này phần lớn là tiền xe của bị cáo, bị cáo chỉ nhận chở các bị cáo lên Lạng Sơn, sau đó phải thuê cửu vạn (không biết tên) để dẫn người qua biên giới, bị cáo phải trả tiền công cho cửu vạn dẫn người qua biên giới là 100.000đ/người, số tiền còn lại là tiền xe.

Các bị cáo B, T không có ý kiến tranh luận và bổ sung gì thêm, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình, hòa nhập xã hội, lao động kiếm tiền nuôi sống gia đình.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo Dương Văn Đ, Lâm Văn N, Trần Văn T, Nịnh Văn T và Lý Văn B đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ 10/02/2017 đến ngày 23/02/2018, Dương Văn Đ, Lâm Văn N, Trần Văn T, Nịnh Văn T, Lý Văn B đã tổ chức đưa nhiều người vượt biên trái phép sang Trung Quốc, cụ thể:

1. Đối với Dương Văn Đ, đã 08 lần tổ chức cho 48 người vượt biên trái phép sang Trung Quốc (trong đó: 01 lần được sự giúp sức của Nịnh Văn T; 02 lần được sự giúp sức của Lý Văn B; 02 lần được sự giúp sức của Lâm Văn N và 01 lần được giúp sức của Trần Văn T, Điều trực tiếp 02 lần tổ chức đưa người vượt biên trái phép sang Trung Quốc) như sau:

Lần 1: Ngày 10/02/2017, Dương Văn Đ được sự giúp sức của Nịnh Văn T, Đ đã tổ chức cho 07 người gồm: Nịnh Văn T, Trần Thị B, Trần Văn T, Vi Thị L, Nịnh Văn P, Nịnh Văn K và Trịnh Văn Đ vượt biên trái phép sang Trung Quốc, Điều thu tiền chi phí vượt biên 07 người tổng số tiền 1.200.000 đồng (*một triệu hai trăm ngàn đồng*);

Lần 2: Đầu tháng 3/2017, Đ tổ chức cho 04 người gồm: Lý Văn B, Lý Văn L, Lý Văn L và Lý Văn V vượt biên trái phép sang Trung Quốc, Đ thu tiền chi phí vượt biên 04 người được tổng số tiền 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*);

Lần 3: Khoảng tháng 5/2017, Đ tổ chức cho 02 người gồm Lý Văn L, Trần Văn V vượt biên trái phép sang Trung Quốc, Đ thu tiền chi phí vượt biên 02 người được 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*);

Lần 4: Khoảng tháng 7/2017, Đ tổ chức cho Lý Văn B vượt biên trái phép sang Trung Quốc, Đ thu tiền chi phí đưa B vượt biên là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), đầu tháng 9/2017, Đ đưa B, L, L và V từ biên giới Trung Quốc về xã X, huyện Y, Yên Bái, Đ thu tiền chi phí đưa về của 04 người được 2.200.000 đồng (*hai triệu hai trăm ngàn đồng*). Tổng số tiền Đ đưa người sang Trung Quốc và từ Trung Quốc về Việt Nam, được 2.700.000 đồng (*hai triệu bảy trăm ngàn đồng*);

Lần 5: Khoảng tháng 9/2017, Dương Văn Đ được sự giúp sức của Lý Văn B tổ chức cho 08 người gồm Lý Văn B, Trần Văn T, Vi Thị L, Trần Văn V, Lý Văn L, Lý Văn V, Lý Văn V và Trần Thị L vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Tổng số tiền Đ thu tiền chi phí vượt biên trái phép cho 08 người được 4.400.000 đồng *(bốn triệu bốn trăm ngàn đồng);*

Lần 6: Khoảng tháng 11/2017, Dương Văn Đ được sự giúp sức của Lý Văn B đã tổ chức cho Lý Văn B và Lý Văn L vượt biên trái phép sang Trung Quốc, Đ thu tiền chi phí vượt biên 02 người được 950.000 đồng (*chín trăm năm mươi ngàn đồng*). Tháng 01/2018, Đ đưa B, L, T, L, V, V, L từ biên giới Trung Quốc về xã H, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang, Điều thu chi phí vượt biên trái phép của 07 người được 3.850.000 đồng (*ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Tổng số tiền Đ đưa người sang Trung Quốc và từ Trung Quốc về Việt Nam được 4.800.000 đồng (*bốn triệu tám trăm ngàn đồng*);

Lần 7: Tháng 9/2017, Dương Văn Đ được sự giúp sức của Lâm Văn N, Đ tổ chức cho 06 người gồm Lâm Văn N, Vương Văn P, Bàn Văn C, Nịnh Thị N, Lý Văn V và Nịnh Văn B vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Tổng số tiền Đ thu chi phí vượt biên trái phép là 3.300.000 đồng (*ba triệu ba trăm ngàn đồng*). Đến ngày 21/12/2017 Đ tổ chức cho 06 người trên từ khu vực biên giới Trung Quốc về xã H, huyện HY, Đ thu chi phí đưa về được 3.300.000 đồng (*ba triệu ba trăm ngàn đồng)*.

Tổng số tiền Đ đưa người sang Trung Quốc và từ Trung Quốc về Việt Nam được 6.600.000 đồng (*sáu triệu sáu trăm ngàn đồng*);

Lần 8: Ngày23/02/2018, Dương Văn Đ được sự giúp sức của Lâm Văn N và Trần Văn T đã tổ chức cho nhóm của Lâm Văn N (10 người) và Trần Văn T (08 người) với tổng số 18 người gồm: Lâm Văn N, Nịnh Thị N, Ban Văn C, Vương Văn P, Vương Văn K, Lâm Văn D, Ban Thị T, Đặng Thị D, Hoàng Thị T, Lâm Văn T, Trần Văn T, Lý Văn Đ, Lý Văn L, Trần Văn V, Lý Văn V, Đặng Thị H, Nịnh Văn Đ và Vi Thị L vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc, trên đường đi khi đi đến khu vực km số 24 thuộc địa phận huyện HY, Tuyên Quang thì bị Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện bắt giữ.

Tổng số tiền Đ được hưởng lợi từ việc đưa người từ Việt Nam sang Trung Quốc và từ Trung Quốc về Việt Nam là 22.200.000 đồng *(hai mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng),* toàn bộ số tiền trên Điều đã chi tiêu cá nhân hết.

2. Đối với bị cáo Lâm Văn N, trong tháng 9/2017 và ngày 23/02/2018, được sự giúp sức của Dương Văn Đ đã 02 lần tổ chức cho 15 người vượt biên trái phép sang Trung Quốc.

3. Đối với bị cáo Lý Văn B, trong thời gian tháng 9/2017 và tháng 11 năm 2017, được sự giúp sức của Dương Văn Đ đã 02 lần tổ chức cho 08 người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc.

4. Đối với bị cáo Nịnh Văn T, trong tháng 02/2017 được sự giúp sức của Dương Văn Đ đã tổ chức cho 06 người nêu vượt biên trái phép sang Trung Quốc.

5. Đối với bị cáo Trần Văn T, ngày 23/02/2018, được sự giúp sức của Dương Văn Đ đã tổ chức cho 07 người vượt biên trái phép sang Trung Quốc.

Đối với các bị cáo Lâm Văn N, Trần Văn T, Lý Văn B và Nịnh Văn T không được hưởng lợi ích vật chất từ việc tổ chức cho người khác trốn đi Trung Quốc, mục đích của các bị cáo tổ chức đưa những người trên sang Trung Quốc để làm thuê.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Dương Văn Đ phạm tội: "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Lâm Văn N phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Trần Văn T phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" tội phạm và hình phạt được quy định

tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Lý Văn B phạm tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo Nịnh Văn T phạm tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, có sự bàn bạc, thống nhất, rủ rê, tập hợp nhiều người, chuẩn bị thời gian, phương tiện, địa điểm để đưa người khác trốn đi nước ngoài với mục đích lao động làm thuê. Trong vụ án này, bị cáo Dương Văn Đ là người giữ vai trò chính, tích cực nhất, đã 08 lần tổ chức cho 48 người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc, ngoài ra bị cáo còn trực tiếp đón người từ Trung Quốc đưa về Việt Nam và được hưởng lợi vật chất từ việc đưa đón người trái phép qua biên giới, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 22/5/2007 bị TAND thành phố L xử 03 năm tù về tội buôn lậu (pháo nổ), đã chấp hành xong bản án, được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo chính mình mà còn có hành phạm tội, vì vậy bị cáo phải chịu mức án cao nhất. Các bị cáo Lâm Văn N, Trần Văn T, Lý Văn B và Nịnh Văn T thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người tổ chức cho những người thân trong gia đình và anh em, bạn bè sang Trung Quốc để làm thuê.

Sau khi bàn bạc, thống nhất với bị cáo Đ, được sự giúp sức của Đ, Lâm Văn N đã trực tiếp đi rủ mọi người trong thôn Đ và đã 02 lần tổ chức cho 15 người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc, trong đó có 1 lần đưa mọi người đi đến km 24 xã H huyện HY thì bị công an phát hiện bắt giữ.

Bị cáo Lý Văn B đã 02 lần tổ chức cho 08 người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc; bị cáo Nịnh Văn T đã trực tiếp rủ mọi người trong thôn cùng đi, được sự giúp sức của Đ, T đã tổ chức cho 06 người vượt biên trái phép sang Trung Quốc; bị cáo Trần Văn T đã tổ chức cho 07 người vượt biên trái phép sang Trung Quốc nhưng đang trên đường đưa mọi người đi đến km 24 xã H huyện HY thì bị công an phát hiện bắt giữ.

Xét thấy các bị cáo N, B, T, T xuất phát từ việc mong muốn có việc làm, có thu nhập cao nên đã rủ anh em là người thân trong gia đình vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê để có tiền trang trải cuộc sống gia đình, chứ không có mục đích hưởng lợi ích vật chất từ việc đưa người khác trốn đi nước ngoài.

[4] Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T, N, T, B có nhân

thân tốt, đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Lý Văn B trong quá trình điều tra đã ra đầu thú; bị cáo T có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bố bị cáo Đ được tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì, bị cáo đã tác động đến gia đình nộp lại một phần số tiền do được hưởng lợi nhằm khác phục hậu quả; bị cáo N, B có bố, mẹ tham gia dân công hỏa tuyến; các bị cáo B, T, T có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã X, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T phạm tội chưa đạt theo Điều 57 Bộ luật Hình sự để xem xét, quyết định hình phạt cho phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Bị cáo T xuất trình công văn của Công an xã X xác nhận trong thời gian tại ngoại bị cáo cung cấp thông tin giúp công an xã làm rõ sự việc vụ án đánh nhau xảy ra tại trung tâm địa bàn xã, nhưng chưa rõ vụ việc trên cơ quan tiến hành tố tụng đã quyết định xử lý bằng hình thức nào, do vậy không xem xét áp dụng tình tiết quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Các bị cáo N, T, B, T không có mục đích hưởng lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Riêng đối với bị cáo Dương Văn Đ do được hưởng lợi từ việc đưa người khác trốn đi nước ngoài nên cần áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về số tiền bị cáo Dương Văn Đ cho rằng: Trong số 22.200.000đ như cáo trạng truy tố xác định bị cáo hưởng lợi, nhưng trong đó có cả tiền xe của bị cáo, bị cáo đã phải thuê cửu vạn để dẫn người vượt biên trái phép và phải trả tiền công cho cửu vạn 100.000đ/người. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo không là người trực tiếp dẫn nhóm người của N, B, T, T vượt biên trái phép qua biên giới nhưng bị cáo biết mục đích của các bị cáo muốn đi sang Trung Quốc làm thuê và nhờ bị cáo đưa đi, và nếu không có bị cáo giúp sức thì nhóm người của N, B, T, T không qua được biên giới; bị cáo phải trả tiền công cho người dẫn đường vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc là 100.000đ/người, xét lời trình bày của bị cáo Đ là có căn cứ, phù hợp với lời khai các bị cáo khác, do vậy cần chấp nhận ý kiến của bị cáo để trừ cho bị cáo số tiền đã thuê người dẫn 30 người x 100.000đ/người = 3.000.000đ qua biên giới. Đối với 18 người ngày 23/2/2018 đang trên đường đi thì bị bắt giữ nên bị cáo chưa thu tiền.

Như vậy, số tiền bị cáo hưởng lợi từ việc đưa người khác trốn đi nước ngoài là 19.200.000đ, đây là số tiền do phạm tội mà có cần truy thu để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo đã nộp 5.000.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, do vậy cần trừ cho bị cáo vào số tiền bị truy thu. Số tiền còn phải truy thu tiếp của bị cáo là 14.200.000đ *(Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng)*.

[7] Xét các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý: Hội đồng xét xử sẽ xem xét, quyết định mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo.

[9] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ:

+ 01 điện thoại di động OPPO màu Gold, mặt trước có dán kính cường lực, số IMEI 1: 863090038137151, số IMEI 2: 863090038137144, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không tiến hành kiểm tra chất lượng, nội dung máy và tài khoản sim. Trong máy có lắp 01 sim điện thoại, số thuê bao 01678513211.

+ 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu trắng, phía sau vỏ máy có in chữ "IPHONE", số seri 355409072829397. Máy đã qua sử dụng, trong máy có lắp 01 thẻ sim số thuê bao 01676290258.

+ 01 điện thoại di động màu đen, in nhãn hiệu "NOKIA", số seri: 353677079420590, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm trả chất lượng bên trong. Trong máy có lắp 01 sim, số thuê bao 016681331280.

+ 01 điện thoại di động màu xanh nước biển, in nhãn hiệu "NOKIA", số seri: 357134064644871. Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tài khoản sim và chất lượng máy. Trong máy có lắp 01 sim, số thuê bao 01672912435.

+ 01 điện thoại di động màu đen in nhãn hiệu "NOKIA", số seri:353677079639488. Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tài khoản sim và chất lượng máy. Trong máy có lắp 01 sim, số thuê bao 0942845838.

Xét những đồ vật trên cần trả lại cho bị cáo Dương Văn Đ và Trần Văn T nhưng giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

+ 01 chứng minh nhân dân số: 121388162, mang tên Dương Văn Đ, sinh ngày 17/10/1980, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã TH, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 30/8/2017.

+ 01 chứng minh nhân dân số: 071087104, mang tên Lâm Văn Sơn, sinh ngày 22/7/2000, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 24/5/2017.

+ 02 giấy phép lái xe ô tô hạng E, số/No: 990135889143, mang tên Dương Văn Đ, sinh ngày 17/10/1980, nơi cư trú: xã TH, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, cấp ngày 16/9/2013, có giá trị đến ngày 16/9/2018 (cả hai giấy phép lái xe ô tô này đều có nội dung, đặc điểm như mô tả ở trên).

+ 01 tờ giấy bằng ¼ khổ giấy A4, một mặt có in chữ nước ngoài, một mặt viết chữ và số bằng tiếng việt, chữ đầu có nội dung là "*mẹ Hoàng đi cầm 3.500.000(Phú Thọ)...*", chữ cuối cùng là "*Quân 6(V) = 2.400.000 đồng*".

+ 01 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank có màu xanh da trời, có dãy số 9704037139580304 (ở mặt trước), mặt sau có dãy số viết tay là 030025308014.

+ 01 hóa đơn giá trị gia tăng đề ngày 05/3/2018, có nội dung là: Người nộp tiền Dương Văn Đ, số CMND 121388162, người thụ hưởng là "TFSVN", số tài khoản 888.888.153816 tại ngân hàng Citibank, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Số tiền là mười bốn triệu hai trăm linh ba nghìn, một trăm sáu mươi tám đồng.

+ 01 card visit có in chữ và số bằng tiếng nước ngoài và tiếng việt cả hai mặt, phần tiếng việt có nội dung là "*Công ty TNHH Dịch vụ lao động Trung Thái Việt – Trung tâm dịch vụ tài nguyên nhân lực Trung Thái Việt – Chi nhánh Bằng Tường. tên Sầm Thỏ - nhân viên nghiệp vụ, số điện thoại Việt Nam: 0985933111, Zalo 0985933111, địa chỉ: số 21-24 khu Kim đất Bạch Vân, thị xã Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây*".

+ 01 card visit có in chữ và số ở cả hai mặt, một mặt in bằng chữ nước ngoài một mặt có in cả tiếng Việt, nội dung là "*Lữ Đăng T, Tổng giám đốc, có dãy số 13977115538, Công ty Hữu hạn Xuất khẩu lao động Đỉnh Phong Bằng Tường, Quảng Tây Trung Quốc, số điện thoại là +841666392119 (DĐ VN), địa chỉ: Số 116, đường Sư Tử Sơn, Bằng Tường, Quảng Tây*".

+ 01 Card visit, có nội dung: Nhà xe Nchạy tuyến Xuất Lễ - Cao Lâu – L, biển số xe 12B – 00202, số điện thoại 0966392912, xe Mercedes 16 chỗ.

+ 01 Card visit, có nội dung: Hợp tác xã vận tải T, nhà xe T, xe giường nằm 44 chỗ, biển số xe 23B-00312, chạy tuyến Hà Giang – Gia Lâm (và ngược lại), số điện thoại 0912.228.289 - 0983.228.554.

+ 01 Card visit, có nội dung: Dịch vụ vận tải hành khách, nhà xe H, một mặt có nội dung là: chạy tuyến Lạng Sơn – bến xe Lương Yên, Hà Nội, biển số xe: 12B-00019, một mặt có nội dung: xe Huyndai 29 chỗ, biển số xe 30H-5573, chạy tuyến Hà Nội – Lạng Sơn – Văn Quan, số điện thoại: 0988.284.488.

Các loại giấy tờ trên không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo Dương Văn Đ.

[10] Đối với người phụ nữ tên T cũng như những người đàn ông được bị cáo Dương Văn Đ thuê đón, đưa những người trên vượt biên trái phép sang Trung Quốc, quá trình điều tra không xác định được chính xác họ tên, địa chỉ, nên không có căn cứ xử lý, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với người đàn ông tên H ở tỉnh Phú Thọ rủ Lâm Văn N, Nịnh Thị N vượt biên giới trái phép trốn sang Trung Quốc trong tháng 4/2017, quá trình điều tra, do không xác định được họ tên, địa chỉ, nên không có căn cứ xử lý, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với Lý Văn L có hành vi giúp sức cho Dương Văn Đ để Đ tổ chức cho Lý Văn B, Lý Văn L và Lý Văn V vượt biên trái phép sang Trung Quốc, nhưng đều là anh, em ruột trong gia đình, động cơ, mục đích cùng sang Trung Quốc làm thuê, tính chất mức độ không đáng kể, chưa xảy ra hậu quả, nên Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang không xử lý hình sự là phù hợp, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với anh Nguyễn Văn C là chủ xe khách C - T cũng như lái xe Lý Tiến H, phụ xe chị là Đinh Thị N (vợ anh C) và Nguyễn Văn T (con anh C) đã chở 18 người nêu trên lên tỉnh Lạng Sơn cho Dương Văn Đ, nhưng anh C, chị N, anh H, anh T đều không biết hành vi của các bị cáo Đ, N, T tổ chức đưa người vượt biên trái phép sang Trung Quốc nên không đề cập xử lý, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với chiếc xe ôtô biển kiểm soát 12B-002.88 mà bị cáo Dương Văn Đ sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản riêng, đứng tên đăng ký chủ tài sản là của chị Nguyễn Thị T (vợ Đ), khi bị cáo Đ sử dụng xe ô tô vào việc phạm tội nhưng chị T không biết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với 02 giấy phép lái xe hạng E đều có số 990135889143 mang tên Dương Văn Đ, xác định có 01 giấy phép là giả, Đ khai bị mất nhờ người không biết tên, địa chỉ xin cấp lại nhưng không biết đó là giả, sau đó tìm thấy giấy phép lãi xe cũ nên tồn tại 02 giấy phép lái xe, riêng giấy pháp lái xe giả Đ không sử dụng vào việc trái pháp luật. Do đó không đề cập xử lý về trách nhiệm hình sự, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Ngoài ra, trong quá trình điều tra, bị cáo Ninh Văn T khai tháng giêng năm 2018 tổ chức cho Nịnh Văn Đ vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc. Quá trình điều tra, xác minh Đ không có mặt tại địa phương nên Cơ quan An ninh Điều tra, Công an tỉnh Tuyên Quang đã tách tài liệu về hành vi này để tiếp tục điều tra, xác minh nếu có căn cứ để xử lý sau, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép của Trần Văn T, Lâm Văn N, Nịnh Thị N, Trần Thị B, Vi Thị L, Lý Văn B, Lý Văn L, Lý Văn V, Trần Văn V, Trần Thị L, Nịnh Văn T, Nịnh Văn Đ, Lương Văn V, Lý Văn V, Lý Văn L, Vương Văn P, Ban Văn C vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc, ngày 26/6/2018, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Tuyên Quang ban hành văn bản số 143, số 144 và chuyển tài liệu đến Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh của Công an tỉnh Tuyên Quang và Công an tỉnh Yên Bái đề nghị xử lý hành chính theo quy định, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Đối với Vương Văn P, Vương Văn K, Lâm Văn D, Đặng Thị D, Hoàng Thị T, Lâm Văn T, Lý Văn Đ, Lý Văn L, Trần Văn V, Lý Văn V, Đặng Thị H, Nịnh Văn Đ và Vi Thị L đều là những người đi cùng Lâm Văn N và Trần Văn T sang Trung Quốc, trên đường đi bị Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện, ngăn chặn, hậu quả chưa xảy ra. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra không đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý hành chính là phù hợp, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[18] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố*: Các bị cáo Dương Văn Đ, Lâm Văn N, Trần Văn T phạm tội "*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*"; các bị cáo Lý Văn B, Nịnh Văn T phạm tội "*Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài*".

Căn cứ: Điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Dương Văn Đ** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 28/6/2018.

Phạt tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ: Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Lâm Văn N** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 25/02/2018.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 275 B luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Lý Văn B** 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 25/6/2018.

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 25/02/2018.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nịnh Văn T** 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu Gold, mặt trước có dán kính cường lực, số IMEI 1: 863090038137151, số IMEI 2: 863090038137144, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không tiến hành kiểm tra chất lượng, nội dung máy và tài khoản sim. Trong máy có lắp 01 sim điện thoại, số thuê bao 01678513211, nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Dương Văn Đ nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án những tài sản sau:

+ 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu trắng, phía sau vỏ máy có in chữ "IPHONE", số seri 355409072829397. Máy đã qua sử dụng, trong máy có lắp 01 thẻ sim số thuê bao 01676290258.

+ 01 điện thoại di động màu đen, in nhãn hiệu "NOKIA", số seri: 353677079420590, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm trả chất lượng bên trong. Trong máy có lắp 01 sim, số thuê bao 016681331280.

+ 01 điện thoại di động màu xanh nước biển, in nhãn hiệu "NOKIA", số seri: 357134064644871. Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tài khoản sim và chất lượng máy. Trong máy có lắp 01 sim, số thuê bao 01672912435.

+ 01 điện thoại di động màu đen in nhãn hiệu "NOKIA", số seri: 353677079639488. Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tài khoản sim và chất lượng máy. Trong máy có lắp 01 sim, số thuê bao 0942845838.

- Trả lại cho bị cáo Dương Văn Đ các loại giấy tờ sau:

+ 01 chứng minh nhân dân số: 121388162, mang tên Dương Văn Đ, sinh ngày 17/10/1980, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã TH, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 30/8/2017.

+ 01 chứng minh nhân dân số: 071087104, mang tên Lâm Văn Sơn, sinh ngày 22/7/2000, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 24/5/2017.

+ 02 giấy phép lái xe ô tô hạng E, số/No: 990135889143, mang tên Dương Văn Đ, sinh ngày 17/10/1980, nơi cư trú: xã TH, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, cấp ngày 16/9/2013, có giá trị đến ngày 16/9/2018 (cả hai giấy phép lái xe ô tô này đều có nội dung, đặc điểm như mô tả ở trên).

+ 01 tờ giấy bằng ¼ khổ giấy A4, một mặt có in chữ nước ngoài, một mặt viết chữ và số bằng tiếng việt, chữ đầu có nội dung là "*mẹ Hoàng đi cầm 3.500.000(Phú Thọ)...*", chữ cuối cùng là "*Quân 6(V) = 2.400.000 đồng*".

+ 01 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank có màu xanh da trời, có dãy số 9704037139580304 (ở mặt trước), mặt sau có dãy số viết tay là 030025308014.

+ 01 hóa đơn giá trị gia tăng đề ngày 05/3/2018, có nội dung là: Người nộp tiền Dương Văn Đ, số CMND 121388162, người thụ hưởng là "TFSVN", số tài khoản 888.888.153816 tại ngân hàng Citibank, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Số tiền là mười bốn triệu hai trăm linh ba nghìn, một trăm sáu mươi tám đồng.

+ 01 card visit có in chữ và số bằng tiếng nước ngoài và tiếng việt cả hai mặt, phần tiếng việt có nội dung là "*Công ty TNHH Dịch vụ lao động Trung Thái Việt – Trung tâm dịch vụ tài nguyên nhân lực Trung Thái Việt – Chi nhánh Bằng Tường. tên Sầm Thỏ - nhân viên nghiệp vụ, số điện thoại Việt Nam: 0985933111, Zalo 0985933111, địa chỉ: số 21-24 khu Kim đất Bạch Vân, thị xã Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây*".

+ 01 card visit có in chữ và số ở cả hai mặt, một mặt in bằng chữ nước ngoài một mặt có in cả tiếng Việt, nội dung là "*Lữ Đăng T, Tổng giám đốc, có dãy số 13977115538, Công ty Hữu hạn Xuất khẩu lao động Đỉnh Phong Bằng Tường, Quảng Tây Trung Quốc, số điện thoại là +841666392119 (DĐ VN), địa chỉ: Số 116, đường Sư Tử Sơn, Bằng Tường, Quảng Tây*".

+ 01 Card visit, có nội dung: Nhà xe N chạy tuyến Xuất Lễ - Cao Lâu – L, biển số xe 12B – 00202, số điện thoại 0966392912, xe Mercedes 16 chỗ.

+ 01 Card visit, có nội dung: Hợp tác xã vận tải T, nhà xe T, xe giường nằm 44 chỗ, biển số xe 23B-00312, chạy tuyến Hà Giang – Gia Lâm (và ngược lại), số điện thoại 0912.228.289 – 0983.228.554.

+ 01 Card visit, có nội dung: Dịch vụ vận tải hành khách, nhà xe H, một mặt có nội dung là: chạy tuyến L – bến xe Lương Yên, Hà Nội, biển số xe: 12B-00019, một mặt có nội dung: xe Huyndai 29 chỗ, biển số xe 30H-5573, chạy tuyến Hà Nội – L – Văn Quan, số điện thoại: 0988.284.488.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 05/11/2018).

Truy thu của bị cáo Dương Văn Đ 19.200.000 đồng *(Mười chín triệu hai trăm ngàn đồng)* tiền hưởng lợi do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ số tiền 5.000.000đ *(năm triệu đồng)* bị cáo Dương Văn Đ đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001165 ngày 01/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Số tiền còn phải truy thu tiếp của bị cáo là 14.200.000đ *(Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng)*.

3. *Về án phí:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo: Dương Văn Đ, Lâm Văn N, Trần Văn T, Lý Văn B và Nịnh Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, Điều 333 B luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo (phần có liên quan) bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo (phần có liên quan) bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*đã ký*)

Hồ Thanh Sơn

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- CQĐT, Phòng Hồ sơ Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Phòng ANĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Các bị cáo; Người liên quan;
- Lưu HS + Toà án.